

Family Members in Vietnamese

Immediate Family Members in Vietnamese

wife	vợ
husband	chồng
mother	má
father	cha
daughter	con gái
son	con trai
grandfather (paternal)	ông nội
grandfather (maternal)	ông ngoại
big brother	anh trai
little brother	em trai
big sister	chị gái
little sister	em gái



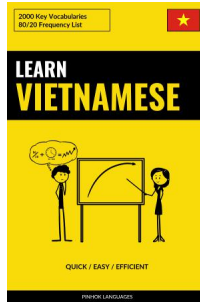
www.flashcardo.com/vietnamese-flashcards/

Extended Family Members in Vietnamese

aunt	cô
uncle	chú
cousin (male)	anh họ
cousin (female)	chị họ
niece	cháu gái
nephew	cháu trai
grandson	cháu trai

granddaughter

cháu gái



www.pinhok.com/learn-vietnamese/

Other Family Related Vietnamese Vocabularies

daughter-in-law

con dâu

son-in-law

con rể

brother-in-law

anh rể / em rể

sister-in-law

chị dâu / em dâu

father-in-law

bố chồng / bố vợ

mother-in-law

mẹ chồng / mẹ vợ

parents

cha mẹ

parents-in-law

bố mẹ chồng / bố mẹ vợ

siblings

anh chị em ruột

stepfather

cha dượng

stepmother

mẹ kế

stepdaughter

con gái riêng

stepson

con trai riêng